

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2019

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã Ngh, tỉnh Đắk Nông.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 chị Phạm Thị L và anh Trần Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Ngh, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình chung sống giữa anh chị bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 4 năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Linh được ly hôn với anh Trần Trung T.

Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Trần Trung T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần anh Trần Trung T nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuyến và chị Linh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên đã gây khó khăn cho tòa án thu thập chứng cứ.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu về việc “Ly hôn” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại tổ 3, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Năm 2017 chị L kết hôn với anh Trần Trung T tại UBND phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa anh Tuyến chị L do mâu thuẫn về quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú và chính quyền địa phương. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”...

[3] Về con chung: Chị L và anh T không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Trung T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2017 ngày 23/11/2017 do UBND phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông cấp cho chị Phạm Thị L và anh Trần Trung T không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001083 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ